

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN SÓP CỘP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GPMT-UBND

Sốp Cộp, ngày tháng 01 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Nhà máy nước Sốp Cộp

Địa điểm cơ sở: Bản Hua Mường, xã Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN SÓP CỘP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị của Công ty cổ phần cấp nước Sơn La tại Công văn số 714.1/CV-CNSL ngày 20/12/2023 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Nhà máy nước Sốp Cộp.

Xét đề nghị của của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 45/TTr-TNMT ngày 26/01/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần cấp nước Sơn La, địa chỉ trụ sở tại: Số 55, đường Tô Hiệu, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Nhà máy nước Sốp Cộp với các nội dung sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên chủ cơ sở: Nhà máy nước Sốp Cộp.

1.2. Địa điểm hoạt động: Bản Hua Mường, Xã Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La.

1.3 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần Mã số doanh nghiệp: 5500154649 đăng ký lần đầu ngày 18/04/2005, đăng ký thay

đổi lần thứ 7 ngày 07/01/2021. Cơ quan cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư.

1.4. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Xử lý nước cấp cho sinh hoạt.

1.5. Phạm vi quy mô, công suất:

- Phạm vi quy mô: Diện tích sử dụng đất 1.421,0m².

- Công suất: 2.500m³/ngày.

- Quy mô: Dự án nhóm C (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Thực hiện yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần cấp nước Sơn La - Nhà máy nước Sốp Cộp:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Chủ cơ sở: Công ty cổ phần cấp nước Sơn La - Nhà máy nước Sốp Cộp có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý nước thải bảo đảm nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung

quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 26 tháng 01 năm 2024 đến hết ngày 26 tháng 01 năm 2034).

Giấy phép môi trường này thay thế cho Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 4598/GXN-UBND ngày 31/10/2019 do UBND huyện Sốp Cộp xác nhận.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Sốp Cộp tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Chánh văn phòng UBND - HĐND huyện;
- Bộ phận một cửa huyện Sốp Cộp;
- Công thông tin UBND huyện (để công bố);
- Công ty cổ phần cấp nước Sơn La;
- UBND xã Sốp Cộp;
- Lưu: VT, TNMT Hồng.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Văn Quân

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ
YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /01/2024
của Ủy ban nhân dân huyện Sốp Cộp)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

Nguồn 01: Nước thải sinh hoạt, phát sinh lớn nhất $0,8\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

Nguồn 02: Nước thải sản xuất, phát sinh lớn nhất $37,5\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: Suối Nậm Lạnh, Bản Hua Mường, xã Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La.

2.2. Vị trí xả nước thải: Sau bể lắng của hệ thống xử lý nước thải. Tọa độ VN2000 (kinh tuyến trục 104^0 , múi chiều 3^0): $X=2315732$; $Y=457778$.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:

Lưu lượng xả nước thải sinh hoạt tối đa: $0,08\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

Lưu lượng xả nước thải sản xuất tối đa: $37,5\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2.3.1. Phương thức xả thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải của cơ sở trước khi tái sử dụng cho các hoạt động khác phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

Đối với nước thải sinh hoạt: Thông số và giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải không vượt quá Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B - $C_{\max}$ với $K = 1,2$; Đối với các thông số pH, Tổng Coliforms áp dụng $C_{\max} = C$.

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn QCVN 14:2008/BTNMT cột B – $C_{\max}$
1	pH	-	5 - 9
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	60
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200

5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	60
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	12
11	Tổng Coliforms	MPN/ 100ml	5.000

Đối với nước thải sản xuất: Thông số và giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải không vượt quá QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

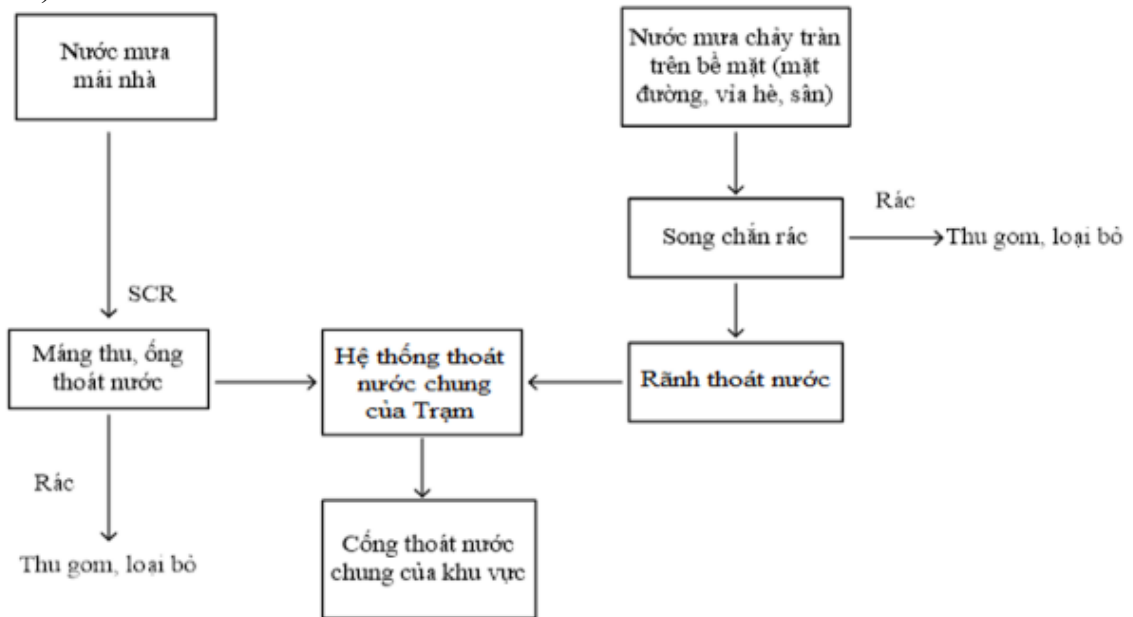
TT	Thông số	Đơn vị	QCVN40:2011/BTNMT Cột B - C _{max}
1	Màu	Pt/Co	162
2	pH	-	5,5-9
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	54
4	COD	mg/l	162
5	Chất rắn lơ lửng	mg/l	108
6	Asen	mg/l	0,108
7	Đồng	mg/l	2,16
8	Kẽm	mg/l	3,24
9	Niken	mg/l	0,54
10	Mangan	mg/l	1,08
11	Sắt	mg/l	5,4
12	Amoni (tính theo N)	mg/l	10,8
13	Tổng nitơ	mg/l	43,2
14	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	6,48
15	Coliform	vi khuẩn/100ml	5.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

a) Đối với nước mưa:

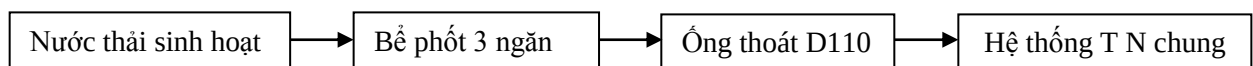
**Hình 1. Sơ đồ thu gom và xử lý nước mưa**

Nước mưa chảy trên mái nhà thu gom bằng hệ thống máng thu và đường ống thoát nước PVC D90 dẫn thẳng xuống chân công trình sau đó theo độ dốc chảy về các rãnh thu gom nước mưa trong khuôn viên cơ sở. Nước mưa từ sân đường giao thông nội bộ, khu vực trồng cây xanh được tự thấm một phần và chảy tràn theo độ dốc tự nhiên ra rãnh thoát nước mưa chung của cơ sở.

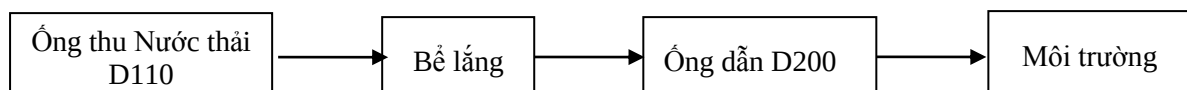
Toàn khu vực được phân thành một lưu vực chảy về 1 hướng thoát vào nguồn tiếp nhận; hệ thống thoát nước mưa chảy tràn tách biệt với hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

b) Đối với nước thải sinh hoạt:

Toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ các hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên trong làm việc tại Nhà máy cấp nước Sốp Cộp, được thu gom ngay tại khu nhà vệ sinh và đưa vào hệ thống bể phốt 3 ngăn qua các hệ thống ống dẫn D110 để xử lý sơ bộ, sau đó được chảy qua đường ống D110 thải vào hệ thống XLNT theo phương thức tự chảy.

**Hình 2. Sơ đồ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt**

c) Đối với nước thải phát sinh từ quá trình sản xuất:



Nước thải sản xuất phát sinh từ các công đoạn xử lý nước của hệ thống xử lý, toàn bộ lượng nước thải sẽ được thu gom qua đường ống gang D110, chiều dài 30m về bể lắng được xây dựng ngoài khuôn viên Nhà máy cấp nước; nước sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn sẽ được dẫn qua hệ thống ống dẫn D200 và thải ra ngoài môi trường theo phương thức tự chảy.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

a) Nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt của các cán bộ, công nhân làm việc trong nhà máy được thu gom và đưa vào hệ thống bể tự hoại được thiết kế gồm ba ngăn: Ngăn tiếp nhận, ngăn phân hủy, ngăn lọc khí. Nước thải sau khi xử lý được dẫn qua hệ thống ống dẫn D110 và thải ra ngoài môi trường theo phương thức tự chảy liên tục, điểm tiếp nhận cuối cùng có tọa độ (Hệ tọa độ VN2000, KTT 104°, Múi chiều 3°) là: X = 2315732; Y = 457778.

b) Nước thải phát sinh từ quá trình sản xuất:

Do đặc thù của nước thải sản xuất trong các công đoạn xử lý, nguồn nước cấp là nước sạch không chứa các yếu tố độc hại nguy hiểm, nên hiện tại nước thải sản xuất được thu gom vào bể lắng để xử lý. Bể xử lý nước thải sản xuất gồm 3 ngăn, kích thước 4m x 8m x 1,72m. Với bể lắng nước thải sản xuất các tấm ngăn được đặt thích hợp có vai trò tách các chất rắn lơ lửng trong nước, các chất khác được lắng xuống khoang chứa bùn và phân hủy sinh học. Nước thải xử lý đạt tiêu chuẩn theo mương thải chảy ra ngoài bằng đường ống D200 theo phương thức tự chảy liên tục, điểm tiếp nhận cuối cùng có tọa độ (Hệ tọa độ VN2000, KTT 104°, Múi chiều 3°) là: X = 2315732; Y = 457778.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định theo quy định tại khoản 1 Điều 111 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.4. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải định kỳ: Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ theo quy định theo quy định tại khoản 2 Điều 111 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.5. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

*** Ứng phó sự cố môi trường hệ thống thu gom, xử lý nước thải**

Trường hợp hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải từ quá trình sản xuất bị rò rỉ, tắc nghẽn: Thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom nước thải có bị rò rỉ hay tắc nghẽn không. Phát hiện hệ thống bị rò rỉ hoặc tắc nghẽn tiến hành khắc phục ngay lập tức bằng các phương tiện, thiết bị có sẵn ở cơ sở và địa phương. Giảm thiểu các hoạt động có phát sinh nước thải đến điểm xảy ra sự cố.

*** Ứng phó sự cố hiệu quả xử lý nước thải không đạt tiêu chuẩn môi trường**

Trong trường hợp phát hiện các sự cố ô nhiễm trong quá trình xử lý của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải từ quá trình sản xuất biểu hiện như nước thải sau xử lý có màu đục, mùi hôi. Thực hiện các hoạt động giảm phát sinh nước thải để kiểm tra hoạt động của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

Biện pháp xử lý: Tiến hành nạo vét lượng bùn, cặn có trong bể phốt để tăng hiệu quả xử lý. Trường hợp cần thiết bổ sung thêm Men xử lý bể phốt DW 09.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt và sản xuất của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

- Đảm bảo tách riêng hệ thống thu gom thoát nước mưa với hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt và sản xuất. Tuyệt đối không được phép xả nước thải chưa qua xử lý hoặc xử lý không đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn ra ngoài môi trường.

3.3. Nhà máy nước Sốp Cộp – Công ty cổ phần cấp nước Sơn La chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường. Bồi thường thiệt hại trong trường hợp gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước, vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường, nguồn nước.

Phụ lục 2
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày / 01 /2024
của Ủy ban nhân dân huyện Sốp Cộp)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

Không

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và khí thải

Mật độ giao thông, các phương tiện ra vào cơ sở không lớn nên bụi và khí thải của các phương tiện giao thông chủ yếu ảnh hưởng đến cán bộ, công nhân viên trực tiếp làm việc tại cơ sở. Vì vậy chủ cơ sở thực hiện các biện pháp như sau:

Thường xuyên vệ sinh khu vực sân, đường nội bộ. Vào những ngày nắng nóng, hành khô thực hiện phun nước trên tuyến đường nội bộ của cơ sở để giảm thiểu bụi cuốn theo các phương tiện vận chuyển.

Phương tiện vận chuyển có khả năng phát sinh bụi lớn phải được đóng kín thùng xe, phủ bạt để hạn chế phát sinh bụi ra ngoài môi trường.

Bố trí trồng thêm cây xanh dọc các đường đi lại và các khuôn viên nhỏ trồng cây cảnh hoặc hoa bên trong cơ sở.

2. Biện pháp giảm thiểu tác động mùi hôi từ bể phốt

Khí sinh ra từ bể phốt được thu gom bằng ống nhựa dẫn lên cao 1m để khuếch tán mùi ra khu vực xung quanh, vị trí đặt ống xa khu văn phòng, thoáng mát.

Trồng cây xanh nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí. Các loại cây được trồng có thể lựa chọn nhiều loại và kết hợp nhiều mục đích như: các loại cây ăn quả, cây cảnh...

Định kỳ bổ sung men vi sinh để tăng cường quá trình xử lý nước thải của công trình bể tự hoại: Men xử lý bể phốt DW 09; Trọng lượng: 180g/gói. Định mức sử dụng: 180g cho 1m³ bể một lần trong 4 tháng hoặc đổ dự phòng 6 tháng 1 lần.

Sử dụng ống nhựa PVC kín để dẫn nước thải tránh phát sinh mùi ra môi trường xung quanh.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường không khí.

Lắp đặt máy móc theo đúng thiết kế của nhà sản xuất, thường xuyên kiểm

tra, bảo trì, bảo dưỡng, thay thế các chi tiết hỏng hóc.

Bảo dưỡng thay thế phụ tùng thiết bị đúng quy trình của nhà sản xuất.

3.2. Chất lượng không khí trong khu vực sản xuất phải đảm bảo đáp ứng quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN VÀ CÁC YÊU
CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày / /2024
của Ủy ban nhân dân huyện Sốp Cộp)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: Trạm bơm cấp II

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

TT	Khu vực	Đơn vị	QCVN 26:2010/BTNMT (từ 6h - 21h)	QCVN 26:2010/BTNMT (từ 21h - 6h)
1	Khu vực thông thường	dBA	70	55

2.2. Độ rung:

TT	Khu vực	Đơn vị	QCVN 27:2010/BTNMT (từ 6h - 21h)	QCVN 27:2010/BTNMT (từ 21h - 6h)
1	Khu vực thông thường	dB	70	60

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

Lắp đặt đệm cao su chống rung đối với các thiết bị có công suất lớn.

Các máy móc phải thường xuyên bảo dưỡng định kỳ.

Sử dụng các loại máy móc, thiết bị hiện đại, có mức ồn thấp.

Những khu vực để thiết bị, máy móc có độ ồn, độ rung lớn được bố trí trong phòng kín có tường gạch dày để tăng hiệu quả cách âm của thiết bị.

Công nhân làm việc liên tục tại các công đoạn có tiếng ồn cao, phải được trang bị các nút tai chuyên dụng giảm tiếng ồn.

Tiếp tục trồng nhiều cây xanh xung quanh trạm cấp nước, các bãi trồng để che nắng, giảm lượng bức xạ mặt trời, tiếng ồn và ngăn bụi phát tán ra bên ngoài cơ sở đồng thời còn tạo thẩm mỹ và cảnh quan môi trường.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo (nếu có).

Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

Lắp đặt máy móc theo đúng thiết kế của nhà sản xuất, thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng, thay thế các chi tiết hỏng hóc.

Bảo dưỡng thay thế phụ tùng thiết bị đúng quy trình của nhà sản xuất.

Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động (thiết bị chống ồn) cho công nhân tại cơ sở.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày / /2024
của Ủy ban nhân dân huyện Sốp Cộp)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (Kg)	Biện pháp lưu giữ	Phương pháp xử lý	Ghi chú
Giẻ lau dầu mỡ	180201	1	Thùng phuy, can nhựa có nắp đậy	Thu gom thuê đơn vị đủ chức năng vận chuyển và xử lý	
Can đựng hóa chất khử trùng Javen	180104	4	Lưu kho		
Hóa chất thí nghiệm test nhanh	191001	1	Thùng phuy, can nhựa có nắp đậy		
Tổng		6			

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 0,5 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở

a) Thiết bị lưu chứa

Can chứa có nắp kín để lưu chứa chất thải nguy hại. Các can chứa có biển dấu hiệu cảnh báo theo đúng quy định.

b) Khu vực lưu chứa trong nhà

Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại được bố trí riêng tại khu vực Nhà máy cấp nước với kích thước 2 x 1,5m, diện tích khoảng 3 m². Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại tuân thủ theo Quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Mặt sàn trong khu vực lưu trữ chất thải nguy hại đảm bảo kín, không bị thấm thấu, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

Thực hiện đúng trách nhiệm trong việc quản lý và xử lý CTNH quy định

tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

2.2. Thiết bị lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải sản xuất chủ yếu là bùn, cát, cặn không phải là chất thải nguy hại. Định kỳ 2 tuần/01 lần công nhân Nhà máy cấp nước sẽ thực hiện nạo vét, làm sạch hệ thống lắng. Lượng bùn thải này được tận dụng làm đất màu bón cho cây trồng trong khuôn viên Nhà máy cấp nước.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

a) Thiết bị lưu chứa

Rác thải được thu gom phân loại vào 03 thùng đựng nhựa, dung tích 50 lít, đặt tại 02 vị trí khu vực nhà điều hành, khu vực nhà nghỉ. Trong đó: 01 thùng đựng chất thải gắn nhãn có thể tái chế, tái sử dụng như giấy, nhựa, kim loại... định kỳ bán cho cơ sở thu mua phế liệu; 01 thùng đựng thức ăn thừa, rau, củ quả.. có thể dùng làm thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm hoặc làm phân bón; 01 thùng đựng rác thải không thể đốt được như sành sứ, thủy tinh, vải, gỗ, túi nilon....

b) Khu vực lưu chứa

Chất thải sinh hoạt được thu gom vào các thùng chứa và cuối ngày rác được thu gom tập trung vào khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt chung của địa phương, để Công ty cổ phần môi trường và dịch vụ đô thị Sơn La – Chi nhánh Sốp Cộp thu gom và vận chuyển xử lý đúng quy định

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

Thực hiện đầy đủ phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, sự cố cháy nổ, thiên tai.

Việc lưu trữ và sử dụng hóa chất phải thực hiện tuân thủ theo TCVN 5507:2002, tiêu chuẩn Việt Nam về hóa chất nguy hiểm, quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày / /2024
của Ủy ban nhân dân huyện Sốp Cộp)

Đảm bảo tính chính xác, trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu, các vấn đề về môi trường và kết quả tính toán trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở.

Công khai giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật.

Cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

Tuyệt đối không được phép xả nước thải của cơ sở chưa qua hệ thống xử lý nước thải ra ngoài môi trường. Chịu mọi trách nhiệm theo quy định pháp luật nếu để xảy ra các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Bổ trí đủ kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường, chương trình quan trắc, giám sát môi trường và phòng ngừa các rủi ro, sự cố môi trường trong quá trình hoạt động.

Vận hành nhà máy theo đúng quy trình: Bao gồm công tác thu gom và phân loại rác thải cần phân loại rõ chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại;

Thực hiện quan trắc môi trường định kì (đối với môi trường nước thải) theo đúng nội dung đã đề xuất trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở.

Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước và các quy định của pháp luật có liên quan khác trong quá trình thực hiện cơ sở.

Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật./.